MUA

Lê Thị Kim Huê

Email: hue.lethikim@abs.vn

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành	: Đa ngành
Ngày báo cáo	: 20/03/2025
Giá hiện tại (VND/CP)	: 23.200
Giá mục tiêu (VND/CP)	: 28.400
Tỷ lệ tăng (%)	: +22,4%
Vốn hóa (Tỷ VND)	: 8.244
SLCPLH (CP)	: 357.642.121

DIỄN BIẾN GIÁ

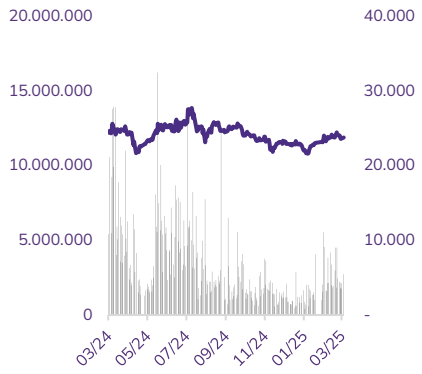

Nguồn: FiinPro, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q23	4Q24
Tăng trưởng DTT (%)	9,2%	-0,5%
Tăng trưởng LNST (%)	-82,3%	84,5%
Biên LNG (%)	15,4%	23,3%
Biên LNST (%)	1,3%	2,4%
ROA (%)	0,2%	0,3%
ROE (%)	0,7%	1,1%
Nợ vay/VCSH (lần)	1,50	1,40
EPS (VND/CP)	107	171
BVPS (VND/CP)	16.330	15.416

Nguồn: FiinPro, ABS Research

KQKD năm 2024 tăng trưởng ấn tượng nhờ mảng năng lượng & khai khoáng

- **KQKD Q4/2024 khả quan với biên lợi nhuận gộp tăng mạnh:**

✓ Doanh thu thuần (DTT) sụt giảm nhẹ svck, đạt 2.540 tỷ đồng (-0,5% svck). Hai mảng đóng góp chính vào cơ cấu DTT Q4/2024 tăng trưởng tốt: mảng xây lắp tổng thầu có DTT đạt 1.230 tỷ đồng (+9,1% svck, chiếm 48,4% cơ cấu DTT) & mảng năng lượng đạt 510 tỷ đồng (+23,1% svck, chiếm 20,1% cơ cấu DTT). Tuy nhiên, một số mảng khác lại đi xuống svck như: mảng sản xuất công nghiệp đạt 227 tỷ đồng (-46,1% svck), mảng bất động sản (BĐS) dân cư đạt 13 tỷ đồng (-90,2% svck), mảng bán hàng hóa vật tư đạt 123 tỷ đồng (-43,8% svck).

✓ Tuy nhiên, lợi nhuận gộp (LNG) Q4/2024 của PC1 lại tăng trưởng tốt svck khi đạt 593 tỷ đồng (+51,2% svck) với biên LNG cải thiện mạnh lên 23,3% từ mức 15,4% của cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhờ 3 mảng chủ đạo tăng trưởng khả quan svck: mảng năng lượng có LNG đạt 317 tỷ đồng (+42% svck, chiếm 53,4% cơ cấu LNG) do điều kiện thủy văn thuận lợi, mảng bán quặng đạt 118 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 21 tỷ đồng (chiếm 19,9% cơ cấu LNG), mảng xây lắp tổng thầu đạt 87 tỷ đồng (+36,2% svck, chiếm 14,6% cơ cấu LNG).

✓ Chi phí bán hàng & QLDN trong kỳ tăng mạnh +55,7% svck lên 211 tỷ đồng. chủ yếu do khoản chi phí dự phòng tăng mạnh từ 2,8 tỷ đồng (Q4/2023) lên 81,9 tỷ đồng.

✓ Doanh thu tài chính Q4/2024 tăng lên 63 tỷ đồng (+36,3% svck), chủ yếu nhờ lãi chênh lệch tỷ giá. Chi phí tài chính tăng lên 294 tỷ đồng (+45,4% svck) do tỷ giá USD/VND Q4/2024 tăng so với cùng kỳ năm trước, dẫn tới tăng chi phí tài chính từ việc đánh giá lại các khoản vay bằng USD. Trong khi đó, chi phí lãi vay giảm -13,1% svck về còn 182 tỷ đồng do dư nợ vay và lãi suất vay giảm.

✓ Ngoài ra, hoạt động liên doanh liên kết lỗ 5 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lãi gần 4 tỷ đồng nhưng bù lại hoạt động khác đem lại khoản lãi trên 15 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ gần 4 tỷ đồng.

✓ ***Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ (LNST-MI) Q4/2024 của PC1 đạt 61,2 tỷ đồng (+84,3% svck).***

- **DTT năm 2024 lên mức cao nhất 10 năm trở lại đây & lợi nhuận năm 2024 tăng trưởng ấn tượng:**

Lũy kế năm 2024, DTT của PC1 đạt 10.078 tỷ đồng (+31% svck), LNG đạt 2.083 tỷ đồng (+43,9% svck), biên LNG tăng lên 20,7% từ mức 18,8% của cùng kỳ năm trước. Đây là mức DTT và LNG cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây. KQKD khả quan trên chủ yếu nhờ sự đóng góp của các mảng kinh doanh chủ chốt là xây lắp tổng thầu, sản xuất công nghiệp, năng lượng và bán quặng. Cụ thể:

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024 & NĂM 2024

Chỉ tiêu	4Q23	4Q24	%YOY	2023	2024	%YOY
Doanh thu thuần	2.554	2.540	-0,5%	7.694	10.078	31,0%
Lợi nhuận gộp	392	593	51,2%	1.448	2.083	43,9%
Biên LN gộp	*15,4%*	*23,3%*		*18,8%*	*20,7%*	
Chi phí BH & QLDN	(136)	(211)	55,7%	(391)	(567)	45,0%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT	*5,3%*	*8,3%*		*5,1%*	*5,6%*	
Doanh thu tài chính	46	63	36,3%	183	186	1,6%
Chi phí tài chính	(202)	(294)	45,4%	(967)	(929)	-4,0%
Chi phí lãi vay	*(209)*	*(182)*	*-13,1%*	*(848)*	*(749)*	*-11,7%*
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	104	146	39,8%	274	818	198,7%
Lãi/lỗ từ liên doanh, liên kết	4	(5)	N/A	2	45	2.784%
Lãi/lỗ khác	(4.0)	15	N/A	(18)	11	N/A
Lợi nhuận trước thuế	100	161	60,7%	256	829	223,7%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	33	61	84,5%	36	460	1.173%
Biên LN ròng	*1,3%*	*2,4%*		*0,5%*	*4,6%*	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- ***Mảng xây lắp tổng thầu – mảng đóng góp chủ đạo trong cơ cấu DTT năm 2024***: DTT năm 2024 mảng này đạt 3.686 tỷ đồng (+41,4% svck, chiếm 36,6% cơ cấu DTT 2024), LNG đạt 258 tỷ đồng (+9,5% svck, chiếm 12,4% cơ cấu LNG 2024) với biên LNG giảm về 7% từ mức 9% của cùng kỳ năm trước. Sự tăng trưởng tốt về DTT và LNG mảng này chủ yếu nhờ PC1 thực hiện các dự án trọng điểm, đặc biệt là Dự án Đường dây 500kV mạch 3. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu tiến độ, công ty đã tập trung huy động nguồn lực thi công dẫn đến chi phí giá vốn tăng, nên biên lợi nhuận gộp có phần sụt giảm svck. Giá trị hợp đồng ký mới năm 2024 đạt 6.710 tỷ đồng, backlog đạt 6.892 tỷ đồng. Một số dự án tiêu biểu đã ký hợp đồng năm 2024 và sẽ được thực hiện trong năm 2025: tổng thầu EPC Nhà máy điện gió Camarines Sur tại Philippines (công suất 58,5 MW, giá trị 1.200 tỷ đồng), EPC cáp ngầm Côn Đảo trị giá 1.800 tỷ đồng.
- ***Mảng sản xuất công nghiệp:*** DTT năm 2024 mảng này đạt 1.456 tỷ đồng (+24,9% svck, chiếm 14,4% cơ cấu DTT 2024), LNG đạt 144 tỷ đồng (+22,7% svck, chiếm 6,9% cơ cấu LNG 2024) với biên LNG giảm về 9,9% từ mức 10,1% của cùng kỳ năm trước. Giá trị hợp đồng ký mới năm 2024 đạt 1.763 tỷ đồng, giá trị backlog đạt 493 tỷ đồng.
- ***Mảng năng lượng – mảng đóng góp số 1 về LNG năm 2024:*** DTT năm 2024 mảng này đạt 1.706 tỷ đồng (+16,8% svck, chiếm 16,9% cơ cấu DTT 2024), LNG đạt 948 tỷ đồng (+28,8% svck, chiếm 45,5% cơ cấu LNG 2024) với biên LNG tăng lên 55,6% từ mức 50,4% của cùng kỳ năm trước. Mảng năng lượng tăng trưởng khả quan nhờ mảng điện gió hoạt động ổn định & mảng thủy điện tăng trưởng tốt do điều kiện thủy văn thuận lợi khi hiện tượng thời tiết La Nina đã sớm quay trở lại từ giữa năm 2024. Trong đó: i) Mảng thủy điện: có tổng công suất đạt 169 MW với các nhà máy như Bảo Lâm 1, Bảo Lâm 3, Bảo Lâm 3A, Trung Thu, Mông Ân, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Sản lượng thủy điện của PC1 năm 2024 đạt 636 triệu kWh (+58,2% svck), doanh thu đạt 777 tỷ đồng (+43,6% svck); ii) Mảng điện gió: có tổng công suất đạt 144 MW với các nhà máy Liên Lập, Phong Huy, Phong Nguyên. Sản lượng điện gió của PC1 năm 2024 đạt 448 triệu kWh (-0,4% svck), doanh thu đạt 921 tỷ đồng (+1,1% svck). Ngoài ra, trong năm 2024, PC1 tiếp tục thực hiện các dự án thủy điện Bảo Lạc A (30 MW) & Thượng Hà (13 MW) đang thi công theo đúng tiến độ.
- ***Mảng bán quặng***: DTT năm 2024 mảng này đạt 1.701 tỷ đồng (+172,6% svck, chiếm 16,9% cơ cấu DTT 2024), LNG đạt 553 tỷ đồng (+415,2% svck, chiếm 26,5% cơ cấu LNG 2024) với biên LNG tăng lên 32,5% từ mức 17,2% của cùng kỳ năm trước. Trong năm 2024, Công ty xuất khẩu hơn 65 nghìn tấn quặng tinh.
- ***Mảng BĐS Khu công nghiệp***: DTT năm 2024 mảng này đạt 599 tỷ đồng (-2,4% svck, chiếm 5,9% cơ cấu DTT 2024), LNG đạt 149 tỷ đồng (+7,4% svck, chiếm 7,1% cơ cấu LNG 2024) với biên LNG tăng lên 24,8% từ mức 22,6% của cùng kỳ năm trước. Doanh thu, lợi nhuận mảng này chủ yếu đến từ khai thác, vận hành khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (NHIZ).

Dự án này dự kiến tiếp tục đóng góp 610 tỷ đồng doanh thu trong năm 2025. Về tiến độ một số dự án BĐS KCN của PC1: i) Dự án KCN Nomura giai đoạn 2 (200 ha) đã được cấp chủ trương đầu tư vào 31/12/2024, đang triển khai GPMB và dự kiến khởi công năm 2025; ii) Dự án KCN tại Vũng Tàu đang được thực hiện thủ tục trình phê duyệt quy hoạch và dự kiến nộp hồ sơ đề xuất trong Q4/2025; iii) Công ty liên kết Western Pacific (PC1 sở hữu trên 30%) đã được cấp chủ trương đầu tư tại KCN Yên Lư GĐ1 (Bắc Giang) và Đồng Văn V (Hà Nam) vào Q3/2024, sẽ khởi công trong nửa cuối năm 2025, đồng thời tiếp tục bàn giao đất thương phẩm tại KCN Yên Phong 2A Bắc Ninh. Công ty Western Pacific dự kiến năm 2025 sẽ đạt trên 2.200 tỷ đồng doanh thu & trên 1.100 tỷ đồng LNST.

- ***Mảng BĐS dân cư***: mảng này chứng kiến sự sụt giảm mạnh năm 2024 với DTT đạt 39 tỷ đồng (-79% svck, chiếm 0,4% cơ cấu DTT 2024) & LNG đạt 21 tỷ đồng (-73,6% svck, chiếm 1% cơ cấu LNG 2024). Trong T10/2024, PC1 đã tiến hành khởi công Dự án Tháp Vàng – Gia Lâm, dự án đang thi công xây dựng và sẽ bán hàng & bàn giao toàn bộ trong năm 2025, dự kiến doanh thu gần 2.000 tỷ đồng. Đối với các dự án khác, PC1 đang tập trung xin gia hạn, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với các dự án cũ (các dự án cũ như PC1 Định Công, PC1 Thăng Long, PC1 Vĩnh Hưng), nghiên cứu phân tích M&A/đấu giá các dự án mới trong năm 2025.

- ✓ Chi phí bán hàng & QLDN năm 2024 tăng mạnh +45% svck lên 567 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí nhân công và chi phí dự phòng tăng cao svck.
- ✓ Doanh thu tài chính năm 2024 đạt 186 tỷ đồng (+1,6% svck) do lãi tỷ giá tăng, trong khi lãi tiền gửi (khoản mục chính trong doanh thu tài chính) lại sụt giảm -24,9% svck về còn 93,3 tỷ đồng. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm về còn 929 tỷ đồng (-4% svck), chủ yếu do chi phí lãi vay giảm -11,7% svck về còn 749 tỷ đồng mặc dù lỗ tỷ giá trong kỳ tăng. Nhìn chung, hoạt động tài chính năm 2024 của PC1 vẫn bị lỗ ròng 744 tỷ đồng. Xét trong giai đoạn 2018-2024, hoạt động tài chính của PC1 luôn lỗ do DN duy trì mức nợ vay cao, trong đó có cả các khoản vay bằng ngoại tệ USD nên phải chịu cả rủi ro biến động tỷ giá.
- ✓ Bên cạnh đó, lãi từ hoạt động liên doanh liên kết năm 2024 tăng mạnh lên 45 tỷ đồng (+27,8 lần svck) & hoạt động khác đem lại khoản lãi 11 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 18 tỷ đồng.
- ✓ ***Kết quả, LNST cổ đông Công ty mẹ năm 2024 của PC1 đạt 460 tỷ đồng (+11,7 lần svck).*** Với kết quả khả quan trên, PC1 đã hoàn thành 93,1% kế hoạch doanh thu và 134% kế hoạch LNST năm 2024.

Quy mô DTT của PC1 2018-2024 (tỷ đồng)

Quy mô lợi nhuận 2018-2024 (tỷ đồng)

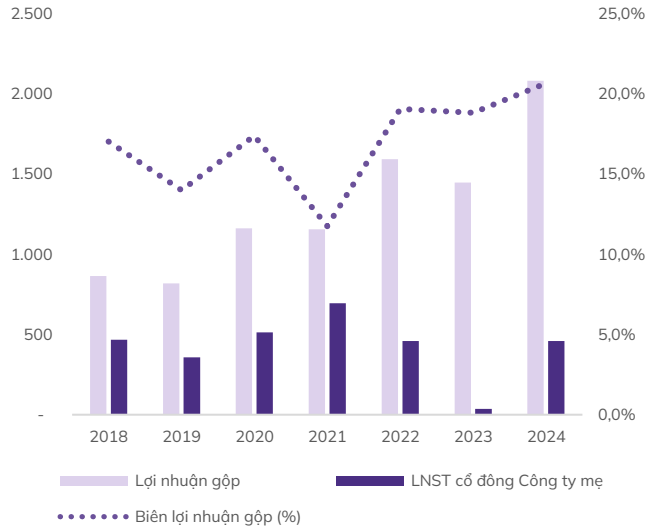

Nguồn: BCTC PC1, ABS Research

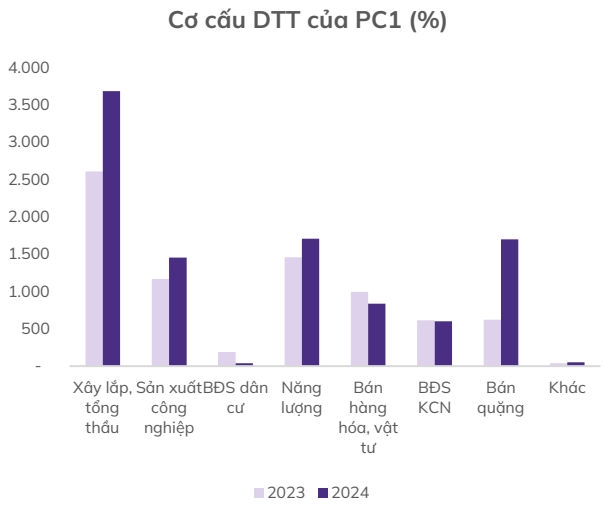

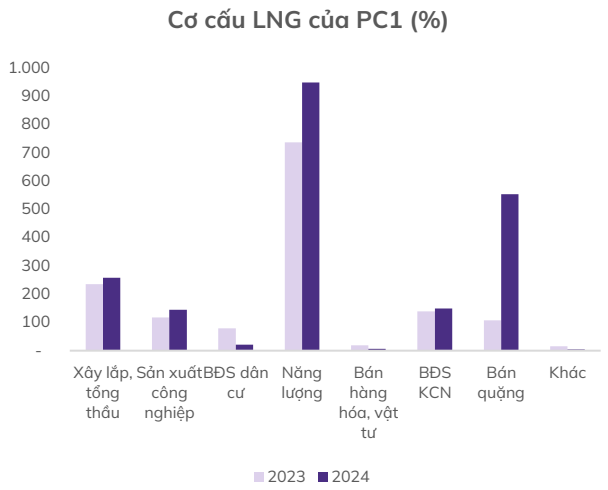

Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Tình hình tài chính - lượng tiền đã dồi dào hơn nhưng nợ vay & đòn bẩy tài chính vẫn ở mức cao:**

  ✓ ***Lượng tiền tăng mạnh so với cuối năm 2023***. Tại 31/12/2024, PC1 có 3.297 tỷ đồng tiền và các khoản tiền gửi ngân hàng (+15,1% so với thời điểm cuối năm 2023), chiếm 15,7% cơ cấu TTS. Lượng tiền dồi dào giúp PC1 chủ động trong hoạt động kinh doanh.

  ✓ ***Các khoản phải thu & hàng tồn kho đều tăng mạnh so với cuối năm 2023***. Tại 31/12/2024, PC1 có khoản phải thu trị giá 3.090 tỷ đồng (+11,5% so với cuối năm 2023), chiếm 14,7% cơ cấu TTS, trích lập dự phòng đã tăng mạnh lên 95 tỷ đồng (so với mức 12,4 tỷ đồng của thời điểm cuối năm 2023). Hàng tồn kho có giá trị 1.588 tỷ đồng (+65,9% so với cuối năm 2023), chiếm 7,6% cơ cấu TTS. Đây chủ yếu là các khoản chi phí SXKD dở dang có giá trị 1.190 tỷ đồng (+132,6% so với cuối năm 2023). Đây là các khoản chi phí cho hoạt động đầu tư kinh doanh BĐS trị giá 637,7 tỷ đồng (+21,4 lần svck), xây lắp trị giá 493,7 tỷ đồng (+7% svck) và sản xuất công nghiệp trị giá 58,8 tỷ đồng (+168,5% svck).

  ✓ ***Đòn bẩy tài chính vẫn duy trì ở mức cao***. Tại 31/12/2024, tổng nợ vay của PC1 là 10.781 tỷ đồng (+0,4% so với cuối năm 2023), trong đó nợ vay ngắn hạn là 2.950 tỷ đồng (+3,9% so với cuối năm 2023) & nợ vay dài hạn là 7.831 tỷ đồng (-0,9% so với cuối năm 2023). Lưu ý, nợ vay của PC1 có 1.189 tỷ đồng là nợ vay trái phiếu sẽ đáo hạn vào năm 2027. Đáng chú ý, trong cơ cấu nợ vay của PC1 tại 31/12/2024 có 3.546 tỷ đồng nợ vay bằng USD, chiếm 32,9% cơ cấu nợ vay. Do đó, rủi ro biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng phần nào tới KQKD của PC1. Hệ số D/E giảm về còn 1,40 lần từ mức 1,50 lần của cuối năm 2023. Nhìn chung, hệ số D/E của PC1 có xu hướng tăng lên trong các năm trở lại đây, nếu như năm 2019 là 0,82 lần thì đến 2024 đã tăng lên 1,40 lần. Quy mô nợ vay cũng tăng mạnh từ 3.047 tỷ đồng (năm 2019) lên mức 10.781 tỷ đồng (31/12/2024). Thời gian qua, PC1 tăng nợ vay trong bối cảnh Công ty mở rộng HĐKD sang lĩnh vực BĐS KCN và khoáng sản. Chúng tôi cho rằng nhu cầu vốn trong thời gian tới có thể sẽ tiếp tục tăng lên khi PC1 có chiến lược ưu tiên phát triển lĩnh vực BĐS KCN ở mức sâu rộng hơn trong giai đoạn đến năm 2033. Việc nợ vay duy trì cao sẽ làm cho chi phí lãi vay tăng cao, từ đó bào mòn lợi nhuận của DN.

- **Triển vọng của PC1 dự báo khả quan dựa trên các yếu tố sau:**

  ✓ Mảng điện tiếp tục khả quan do:

  ➢ Nhu cầu điện gia tăng mạnh mẽ, động lực từ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Chính phủ đặt mục tiêu GDP năm 2025 sẽ trên 8%. Trong dài hạn, Chính phủ quyết tâm tăng trưởng hai con số. Bên cạnh đó, xu hướng dòng vốn chuyển dịch về Việt Nam sau khi Tổng thống Mỹ bắt đầu nhiệm kỳ mới Trump 2.0 & vốn FDI vào Việt Nam dự báo tăng. Kinh tế dự báo tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2025 sẽ làm tăng nhu cầu sử dụng điện năng, dự kiến nhu cầu tiêu thụ điện năm 2025 từ 11% trở lên.

- Mảng thủy điện dự báo lạc quan trong nửa đầu năm 2025 nhờ hiện tượng thời tiết La Nina vẫn duy trì. Hiện nay, PC1 đang thực hiện đầu tư Dự án thủy điện Bảo Lạc A (30 MW) & Thượng Hà (13 MW), khi 2 dự án này đi vào vận hành, sẽ giúp PC1 tăng thêm 25,4% công suất thủy điện so với hiện tại.
- Mảng điện gió dự báo sẽ tiếp tục đóng góp ổn định trong năm 2025. Về dài hạn, điện gió cũng như điện NLTT đang được ưu tiên phát triển. Theo QH điện VIII, đến năm 2030, nguồn điện này sẽ đóng góp 18,5% & năm 2050 sẽ lên tới 29,4%. Theo đó, đến năm 2030, công suất điện gió trên bờ sẽ đạt 21.880 MW và ngoài khơi là 6.000 MW. Đến năm 2050, điện gió trên bờ đạt 60.050-77.050 MW và điện gió ngoài khơi là 70.000-91.500 MW. Trong thời gian qua, khung pháp lý mảng điện NLTT cũng đang được hoàn thiện và năm 2025 chúng tôi cho rằng sẽ tiếp tục là năm hoàn thiện cơ chế, chính sách cho ngành điện nói chung và mảng điện NLTT nói riêng, tạo bước đột phá cho giai đoạn tiếp theo.

- ✓ Mảng BĐS KCN sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực. Trong đó, mảng BĐS KCN sẽ hưởng lợi từ việc FDI dự báo tăng trưởng tích cực và xu hướng chuyển dịch bắt nguồn từ chính sách của chính quyền Trump 2.0. Nguồn thu từ mảng BĐS KCN kỳ vọng đến từ các dự án như Dự án Nomura Hải Phòng, Dự án Yên Phong II-A- Bắc Ninh, Dự án KCN Yên Lư GĐ1 (Bắc Giang) và Đồng Văn V (Hà Nam), Dự án Yên Lệnh – Hà Nam... Ngoài ra, mảng BĐS dân cư cũng đang có những dấu hiệu khả quan từ Dự án Tháp Vàng – Gia Lâm...
- ✓ Mảng bán quặng dự báo tiếp tục khả quan do giá Nikkel, đồng, cobalt đang có xu hướng tăng khi nhu cầu từ Trung Quốc dự báo có thể cải thiện do quốc gia này đang có những biện pháp kích thích kinh tế.
- ✓ Mảng tổng thầu xây lắp & mảng sản xuất công nghiệp có thể sẽ tiếp tục ổn định và trong dài hạn sẽ lạc quan khi: 1) Nhu cầu xây lắp các dự án truyền tải thời gian tới là cấp bách (theo QH điện VIII); 2) Mảng điện NLTT đang dần hoàn thiện khung pháp lý, dự kiến các dự án điện NLTT sẽ sớm được triển khai, thúc đẩy mảng xây lắp điện; 3) Mảng điện khí, đặc biệt là điện khí LNG cũng được đề cao vai trò và là trọng tâm hướng tới chuyển đổi xanh, từ đó thúc đẩy các dự án điện khí, cơ sở kho cảng....
- ✓ ABS Research duy trì dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ của PC1 năm 2025F dự kiến đạt 527 tỷ đồng (+14,5% svck). EPS & BVPS 2025F dự kiến đạt 1.474 đ/cp & 16.890 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 15,747 và 1,37 lần tại mức giá hiện tại. ROE 2025F dự kiến đạt 8,7%. Chúng tôi duy trì giá mục tiêu 28.400 đồng/cp với PC1 và giữ khuyến nghị MUA với PC1 với tiềm năng tăng giá 22,4%.

PHỤ LỤC: MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA PC1

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	9.828	8.358	7.694	10.078
Giá vốn hàng bán	-8.673	-6.763	-6.246	-7.995
Lợi nhuận gộp	1.156	1.595	1.448	2.083
Doanh thu tài chính	319	95	183	186
Chi phí tài chính	-359	-767	-967	-929
Chi phí bán hàng	-56	8	-56	-79
Chi phí QLDN	-241	-285	-335	-488
Lợi nhuận từ HĐKD	905	647	274	818
Lãi/Lỗ khác	-8	-41	-18	11
Lợi nhuận trước thuế	896	605	256	829
Lợi nhuận sau thuế	764	537	182	704
LNST cổ đông Công ty mẹ	695	460	36	460

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
LCT thuần từ HĐKD	93	1.289	1.051	1.072
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-4.949	-3.808	-72	-728
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	5.682	2.812	-1.492	-268
LCT thuần trong kỳ	826	292	-513	76
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1.476	2.292	2.581	2.082
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	2.292	2.581	2.082	2.177

Chỉ số tài chính	2021	2022	2023	2024
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1,14	1,33	1,40	1,59
Khả năng thanh toán nhanh	0,96	1,14	1,18	1,26
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,42	0,60	0,60	0,65
Khả năng thanh toán lãi vay	3,84	2,00	1,30	2,11
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,34	0,33	0,35	0,37
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,66	0,67	0,65	0,63
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,44	1,67	1,50	1,40
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	72,9	99,2	98,0	70,3
Số ngày phải trả	60,1	82,1	68,2	49,3
Số ngày tồn kho	34,4	48,4	54,0	58,1
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	11,8%	19,1%	18,8%	20,7%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	11,9%	13,9%	13,0%	14,6%
Tỷ suất LNST	7,8%	6,4%	2,4%	7,0%
ROE	13,8%	8,0%	2,5%	9,5%
ROA	5,2%	2,7%	0,9%	3,4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2021	2022	2023	2024
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.292	2.581	2.082	2.177
+ Đầu tư ngắn hạn	144	1.006	781	1.119
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	3.124	3.174	2.771	3.090
+ Hàng tồn kho	904	890	958	1.588
+ Tài sản ngắn hạn khác	126	261	92	90
Tài sản ngắn hạn	6.589	7.913	6.684	8.066
+ Các khoản phải thu dài hạn	8	8	15	33
+ Tài sản cố định	10.160	9.904	10.880	10.135
+ Bất động sản đầu tư	221	271	146	112
+ Tài sản dở dang dài hạn	380	1.376	113	373
+ Đầu tư dài hạn	639	1.538	1.607	1.709
+ Tài sản dài hạn khác	689	744	732	528
Tài sản dài hạn	12.098	13.841	13.492	12.889
Tổng Tài sản	**18.687**	**21.754**	**20.175**	**20.955**
+ Vay ngắn hạn	2.800	3.677	2.838	2.950
+ Nợ ngắn hạn khác	2.999	2.273	1.939	2.112
Nợ ngắn hạn	5.799	5.950	4.778	5.062
+ Vay dài hạn	6.238	8.284	7.902	7.831
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	370	347	348	363
Nợ dài hạn	6.607	8.631	8.250	8.193
Tổng nợ phải trả	12.406	14.582	13.028	13.255
+ Vốn cổ phần	2.352	2.704	3.110	3.576
+ Thặng dư vốn cổ phần	711	711	711	711
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.305	1.345	853	814
+ Quỹ khác	1.913	2.413	2.474	2.598
Vốn chủ sở hữu	6.281	7.173	7.148	7.700
Tổng cộng nguồn vốn	**18.687**	**21.754**	**20.175**	**20.955**

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2021	2022	2023	2024
Tăng trưởng doanh thu	47,2%	-15,0%	-7,9%	31,0%
Tăng trưởng LNTT	35,5%	-0,1%	-8,8%	42,9%
Tăng trưởng LNST	40,5%	-29,7%	-66,2%	287,4%
Tăng trưởng VCSH	31,7%	14,2%	-0,4%	7,7%
Tăng trưởng Tổng tài sản	74,3%	16,4%	-7,3%	3,9%

Định giá (lần)	2021	2022	2023	2024
P/E	7,1	19,0	526,4	19,6
P/B	1,0	1,5	1,7	1,48
EPS	2.858	1.519	53	1.158
BVPS	19.992	18.918	16.330	15.416

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huê - Phó Giám đốc TTPT

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminh@abs.vn

Bán lẻ, Hàng tiêu dùng

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn